

Bản án số: 16/2024/DS - ST  
Ngày: 27-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Yến; ông Đặng Văn Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 31/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST - DS ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn T** – Sinh năm 1965 – Địa chỉ: **Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1/ Anh **Đình Văn L (Đình Duy L1)** – Sinh năm 1975; Có mặt.

2/ Chị **Hoàng Thị V (Hoàng Diễm V1)** – Sinh năm 1980. Vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: **Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị **Hoàng Thị V**:* Anh **Đình Văn L** - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: **Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Trần Văn T** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 20/11/2023 đến ngày 20/01/2024, ông có cho anh **Đình Văn L (tên gọi khác: Đình Duy L1)** cùng vợ là **Hoàng Thị V (tên gọi khác: Hoàng Diễm V1)** cùng trú tại **thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** vay tổng số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng), số tiền này anh **L1** và chị **V1** vay làm nhiều lần, cụ thể số tiền của từng lần vay như sau:

- Ngày 20/11/2023 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Ngày 01/12/2023 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Ngày 10/12/2023 vay số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ngày 20/12/2023 vay số tiền: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).
- Ngày 01/01/2024 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).
- Ngày 20/01/2024 vay số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Thời hạn vay của mỗi lần vay là 06 tháng kể từ ngày vay. Mỗi lần vay là anh **L1** tự viết giấy vay tiền rồi anh **L1**, chị **V1** (vợ anh **L1**) ký và ghi họ và tên. Mặc dù các giấy vay tiền không thể hiện vay có lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng với nhau là tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định (tức 1,66%/tháng), thời hạn trả lãi là trả hàng tháng. Hai bên thỏa thuận đến hạn, anh **L1** và chị **V1** có trách nhiệm trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho ông. Mặc dù vậy, từ sau khi vay tiền đến nay, anh **L1** và chị **V1** mới chỉ trả cho ông tiền nợ lãi, còn tiền nợ gốc đã quá hạn, ông đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh **L1** và chị **V1** chưa trả, mỗi lần ông yêu cầu thì anh **L1** và chị **V1** chỉ hứa hẹn nhưng rồi lại không trả cho ông.

Tổng số tiền lãi mà anh **L1** và chị **V1** đã trả cho ông tính đến hết ngày 31/7/2024 là 147.452.000đ, còn nợ lại 1.100.000.000đ tiền nợ gốc. Sau đó, vợ chồng anh **L1**, chị **V1** đã chuyển cho ông hai bộ bàn ghế, ông đồng ý trừ cho anh, chị 200.000.000đ vào nợ gốc. Vì vậy, tổng số tiền nợ gốc hiện tại vợ chồng anh **L1**, chị **V1** còn nợ ông là 900.000.000đ.

Nay ông yêu cầu anh **Đình Văn L** (tên gọi khác: **Đình Duy L1**) cùng vợ là **Hoàng Thị V** (tên gọi khác: **Hoàng Diễm V1**) phải trả ngay cho ông số tiền nợ gốc là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng), đồng thời buộc anh **L1** và chị **V1** phải trả tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo mức lãi suất mà pháp luật quy định (1,66%/tháng), thời hạn tính lãi từ ngày 01/8/2024 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

\* Tại bản tự khai ngày 14/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Đình Văn L** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên cách đây khoảng 10 năm, vợ chồng anh có vay tiền của ông **T** nhiều lần, lúc vay 300.000.000 đồng, lúc vay 500.000.000 đồng. Thường đến cuối năm âm lịch sẽ trả hết cho ông **T**, sang đầu năm sẽ vay lại, vay và trả thường xuyên. Lãi suất vay là 2.000đ/1 triệu/ngày, hai bên thỏa thuận miệng. Cho đến đầu năm 2022, tổng số tiền vợ chồng anh vay của ông **T** là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng) thì vợ chồng anh và ông **T** đã viết lại giấy vay tiền theo các lần trước đây đã vay, nhưng chỉ thay năm, cụ thể như sau:

- Ngày 20/11/2023 số tiền vay là: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).
- Ngày 01/12/2023 (tức ngày 19/10/2023 âm lịch) số tiền vay là: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).
- Ngày 10/12/2023 số tiền vay là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Ngày 20/12/2023 (tức ngày 08/11/2023 âm lịch) số tiền vay là: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).
- Ngày 01/01/2024 số tiền vay là: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).



- Ngày 20/01/2024 (tức ngày 10/12/2023 âm lịch) số tiền vay là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Thời hạn các giấy vay tiền trên là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1.500 đồng/1 triệu/ngày. Các giấy vay tiền là do anh viết, vợ anh và anh ký tên. Trên giấy, vợ chồng anh ghi là **Đinh Duy L1** và **Hoàng Diễm V1**, đây là tên vợ chồng anh thường dùng trên mạng xã hội Zalo, Facebook nên ghi như trên, nhưng thực tế tên thật của vợ chồng anh trên CCCD là **Đinh Văn L** và **Hoàng Thị V**. Quá trình vay 1.100.000.000đ, vợ chồng anh đã trả đầy đủ lãi cho ông **T**. Còn tiền gốc chưa trả được đồng nào. Tuy nhiên, giữa tháng 6/2024, vợ chồng anh đã chuyển cho ông **T** 02 bộ bàn ghế, ông **T** nói sẽ trừ vào nợ gốc cho vợ chồng anh 200.000.000đ, nên số tiền gốc vợ chồng anh còn nợ ông **T** là 900.000.000đ. Vợ chồng anh vay tiền của ông **T** để làm ăn nhưng bị thua lỗ, hiện nay vợ chồng anh không có khả năng trả cho ông **T** nên anh đề nghị ông **T** cho vợ chồng anh trả dần số tiền nợ gốc 900.000.000đ và tiền lãi ông **T** yêu cầu 1.66%/tháng tính từ ngày 01/8/2024 cho đến nay, vợ chồng anh xin ông **T** giảm lãi xuống 1%/tháng.

Đối với bị đơn là chị **Hoàng Thị V**, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng chị **V** không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình về những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị đã có giấy ủy quyền cho anh **Đinh Văn L** tham gia tố tụng vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông **T** không đồng ý việc anh **L** đề nghị trả dần số tiền gốc, ông đề nghị anh **L** phải có trách nhiệm trả ngay cho ông số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi kể từ 01/8/2024 đến ngày 27/9/2024, là 01 tháng 26 ngày, lãi suất 1%/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông **Trần Văn T** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông với bị đơn là anh **Đinh Văn L** và chị **Hoàng Thị V** đều có địa chỉ tại **thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12/9/2024, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, bị đơn là anh **L** và chị **V** vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa.

[2] Về số tiền vay:

Theo ông **Trần Văn T** trình bày, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 20/01/2024, ông có cho anh **Đinh Văn L** cùng vợ là **Hoàng Thị V** vay làm nhiều lần tổng số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng), cụ thể: Ngày 20/11/2023 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); Ngày 01/12/2023 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); Ngày 10/12/2023 vay số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu



đồng); Ngày 20/12/2023 vay số tiền: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); Ngày 01/01/2024 vay số tiền: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); Ngày 20/01/2024 vay số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Thời hạn vay của mỗi lần vay là 06 tháng kể từ ngày vay. Đến hạn anh L và chị V mới chỉ trả cho ông tiền nợ lãi, còn tiền nợ gốc không trả. Vợ chồng anh L, chị V đã chuyển cho ông hai bộ bàn ghế, ông đồng ý trừ cho anh, chị 200.000.000đ vào nợ gốc. Vì vậy, tổng số tiền nợ gốc hiện tại vợ chồng anh L, chị V còn nợ ông là 900.000.000đ. Nay ông T yêu cầu anh L, chị V trả cho ông số tiền nợ gốc là 900.000.000đ, anh L đồng ý với số tiền gốc còn nợ nhưng đề nghị ông T cho vợ chồng anh trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T có xuất trình 06 giấy biên nhận vay tiền như ông T trình bày, anh L thừa nhận vợ chồng anh có vay của ông T số tiền theo 06 giấy vay tiền mà ông T xuất trình, anh L là người viết giấy, vợ anh và anh ký tên. Tháng 6/2024, vợ chồng anh L đã chuyển cho ông T 02 bộ bàn ghế và ông T đã trừ cho anh chị số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, hiện anh L, chị V còn nợ ông T số tiền 900.000.000đ. Như vậy, yêu cầu của ông T buộc anh L, chị V trả số tiền gốc 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử là ngày 27/9/2024 là 01 tháng 26 ngày, cụ thể  $900.000.000đ \times 1\%/tháng \times 01 tháng 26 ngày = 16.800.000đ$  (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng), anh L đồng ý với mức lãi suất này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, các đương sự thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử là ngày 27/9/2024, không trái với quy định của pháp luật, nên có căn cứ được chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi buộc anh Đinh Văn L, chị Hoàng Thị V phải trả cho ông Trần Văn T là 916.800.000đ (chín trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng), nợ lãi là 16.800.000đ (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do anh Đinh Văn L và chị Hoàng Thị V phải trả toàn bộ số tiền mà ông Trần Văn T yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả là 916.800.000đ theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $36.000.000đ + (116.800.000đ \times 3\%) = 39.504.000đ$  (ba mươi chín triệu năm trăm linh tư nghìn đồng). Ông Trần Văn T không phải chịu án phí DSST nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 BLDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Trần Văn T**: Buộc anh **Đình Văn L** và chị **Hoàng Thị V** phải trả cho ông **T** số tiền gốc là 900.000.000đ (*chín trăm triệu đồng*) và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 01/8/2024 đến ngày 27/9/2024 là 01 tháng 26 ngày bằng 16.800.000đ (*mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Tổng cả gốc và lãi là 916.800.000đ (*chín trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Anh **Đình Văn L** và chị **Hoàng Thị V** phải chịu 39.504.000đ (*ba mươi chín triệu năm trăm linh tư nghìn đồng*) án phí DSST.

Trả lại cho ông **Trần Văn T** tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 22.500.000đ (*hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005417 ngày 07/8/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thủy**